

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHI LĂNG BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/TB-UBND

Chi Lăng Bắc, ngày 21 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO

**Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4
Trên cổng dịch vụ công tỉnh Hải Dương**

Thực hiện Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức 4 trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Hải Dương (địa chỉ <http://dichvucong.haiduong.gov.vn>).

Ủy ban nhân dân xã thông báo công khai tại Bộ phận Một cửa xã, Trang thông tin điện tử xã (tại địa chỉ: <http://chilangbac.thanhmien.haiduong.gov.vn>) để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện./

Nơi nhận:

- UBND huyện Thanh Miện;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Cán bộ, công chức chuyên môn;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đoàn Minh Đức

DANH MỤC
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 THỰC HIỆN TẠI BPMC XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính/Dịch vụ công
1	1.001699.000.00.00.H23	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật
2	1.001653.000.00.00.H23	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
3	2.000355.000.00.00.H23	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn
4	1.003554.000.00.00.H23	Hòa giải tranh chấp đất đai
5	1.004837.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký giám hộ
6	1.000894.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký kết hôn
7	1.004845.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ
8	1.000593.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động
9	2.002080.000.00.00.H23	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên
10	2.000930.000.00.00.H23	Thủ tục thôi làm hòa giải viên
11	2.000373.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận hòa giải viên
12	2.002396.000.00.00.H23	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã
13	1.004082.000.00.00.H23	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
14	1.003337.000.00.00.H23	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi
15	2.001382.000.00.00.H23	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ
16	2.001255.000.00.00.H23	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
17	2.001449.000.00.00.H23	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật
18	2.001457.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật
19	1.000132.000.00.00.H23	Thủ tục Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình
20	2.000794.000.00.00.H23	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
21	2.000305.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến
22	2.000337.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất
23	2.000346.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề
24	1.000748.000.00.00.H23	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình
25	1.000775.000.00.00.H23	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị

26	2.001909.000.00.00.H23	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã
27	1.008004.000.00.00.H23	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
28	1.000954.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm
29	1.001120.000.00.00.H23	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa
30	2.001801.000.00.00.H23	Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã

**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4 DÙNG
CHUNG CHO CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN**

I	DÙNG CHO CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	
1	1.002305.000.00.00.H23	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ
2	1.002252.000.00.00.H23	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
3	1.002745.000.00.00.H23	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
II	DÙNG CHO CẤP HUYỆN, CẤP XÃ	
1	2.000744.000.00.00.H23	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng